

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

TIỂU LUẬN CUỐI KHÓA
LỚP BỒI DƯỠNG GIÁNG VIÊN CAO CẤP

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG
NGHỆ TRONG NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG
TIN TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP

Họ và tên: Nguyễn Thị Thủy

Khoa Công nghệ thông tin

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Số báo danh:

Hà nội, 5/2018

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Phần 1. Chọn chủ đề	2
1.1. Tên chủ đề	2
1.2. Đơn vị tổ chức	2
1.3. Một số thuận lợi và khó khăn khi thực hiện đề án	2
Phần 2. Nội dung đề án	3
2.1. Điều kiện của đơn vị - nơi sẽ thực hiện đề án	3
2.2 Mục tiêu thực hiện của đề án	3
2.3. Tính mới của ý tưởng xây dựng và thực hiện đề án	4
2. 4 Kết quả và tác động	4
2.5. Dự kiến về cách thức đánh giá kết quả	4
2.6. Khả năng về tính bền vững và khả năng nhân rộng của dự án	8
2.7. Tính khả thi	8
Phần 3. Kế hoạch thực hiện	8
3.1. Phân công nhiệm vụ thực hiện đề án	8
3.2. Kế hoạch của dự án	11
Phần 4. Các bên tham gia	15
4.1. Cơ quan quản lý	15
4.2. Danh sách các thành viên tham gia	15
4.3. Danh sách các đối tác	16
Phần 5. Kết luận và kiến nghị	17
5.1. Kết luận	17
5.2. Kiến nghị	17
Tài liệu tham khảo	

Phần 1. CHỌN CHỦ ĐỀ

1.1. Tên chủ đề

Xây dựng đề án cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong nghiên cứu ứng dụng Công nghệ thông tin trong ngành Nông nghiệp.

1.2. Đơn vị tổ chức

Khoa Công nghệ thông tin - Học viện Nông nghiệp Việt Nam thực hiện.

1.3. Một số thuận lợi và khó khăn khi thực hiện đề án

1.3.1. Những thuận lợi

Công nghệ thông tin, đặc biệt là Trí tuệ nhân tạo, các hệ thống thông minh, Internet kết nối vạn vật (IoT), đang là các xu hướng nghiên cứu được quan tâm và phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là các nghiên cứu ứng dụng trong ngành nông nghiệp. Đây là hướng nghiên cứu mà Ban giám đốc Học viện cũng như Khoa Công nghệ thông tin đặc biệt quan tâm trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và nhu cầu của thực tế, theo định hướng phát triển của ngành.

Nhóm thực hiện đề án là những giảng viên những chuyên gia có trình độ chuyên môn Tiến sĩ, Thạc sĩ. Một số người được đào tạo bài bản từ nước ngoài trở về giảng dạy, công tác. Hầu hết các giảng viên đều đã có các công trình khoa học đã thực hiện và công bố quốc tế, liên quan đến nội dung triển khai của đề án nên sẽ thuận lợi trong việc triển khai các nhiệm vụ cụ thể.

Học viện Nông nghiệp Việt Nam là nơi đào tạo cán bộ cho lĩnh vực nông nghiệp và công nghệ, đồng thời cũng là một đơn vị nghiên cứu có uy tín, nên các nghiên cứu sẽ được triển khai ngay trong Học viện, phối hợp với các đơn vị liên quan bên ngoài học viện.

1.3.2. Một số khó khăn

+ Nội dung khai thác là các vấn đề nghiên cứu chuyên sâu và ứng dụng công nghệ cao, nên đòi hỏi thời gian triển khai lâu dài.

+ Kinh phí đầu tư cho nghiên cứu và cơ sở vật chất phục vụ cho nghiên cứu chưa đáp ứng được đầy đủ.

+ Một số cán bộ trẻ kinh nghiệm trong nghiên cứu ứng dụng còn hạn chế, số giờ giảng còn cao nên hạn chế thời gian dành cho nghiên cứu. Một số cán bộ còn đang đi học tại nước ngoài.

Phần 2. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

2.1. Điều kiện của đơn vị - nơi sẽ thực hiện đề án

Học viện Nông nghiệp xác định sứ mệnh trở thành Đại học tự chủ, đa ngành, đa phân hiệu theo mô hình của đại học nghiên cứu tiên tiến trong khu vực; trung tâm xuất sắc của quốc gia, khu vực về đổi mới sáng tạo trong đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, ứng dụng tri thức và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Với sứ mạng là đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu phát triển và chuyển giao KHCN, tri thức mới trong lĩnh vực nông nghiệp & PTNT; đóng góp vào sự phát triển nền nông nghiệp và hội nhập quốc tế của đất nước.

Học viện có 14 khoa chuyên môn, 20 viện nghiên cứu, đào tạo hàng ngàn sinh viên từ đại học đến tiến sĩ mỗi năm. Học viện có nhiều phòng thí nghiệm, khu thực hành để triển khai các nghiên cứu. Nhu cầu nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong đào tạo và nghiên cứu nông nghiệp, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin là hết sức cần thiết.

Học viện có mối quan hệ rộng với các đối tác là các doanh nghiệp, công ty, các chuyên gia trong và ngoài nước, các đối tác đó có thể hỗ trợ để triển khai các dự án khi cần phối hợp.

2.2 Mục tiêu thực hiện của đề án

2.2.1 Mục tiêu chung

Đề án được xây dựng nhằm phát triển nhóm nghiên cứu mạnh về công nghệ thông tin, xây dựng các giải pháp ứng dụng CNTT trong ngành nông nghiệp, đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của thực tiễn sản xuất, đồng thời tạo lập một trường phái nghiên cứu uy tín trong nước, hướng đến hội nhập quốc tế.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Nghiên cứu chuyên sâu các công nghệ trí tuệ nhân tạo và các mô hình tính toán thông minh
- Tập hợp các nhà khoa học trong nhiều lĩnh vực hợp tác giải quyết các vấn đề cần ứng dụng CNTT vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.
- Đào tạo đội ngũ nghiên cứu chuyên sâu, nâng cao năng lực của các nhà khoa học trong nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.

- Xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh để tham gia đấu thầu các chương trình/dự án trong nước và quốc tế.
- Xây dựng nhóm chuyên gia để tiếp nhận và chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam cũng như từ các cơ sở nghiên cứu ra thực tiễn
- Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất của Khoa và trường như một số phòng thực hành, phòng Lab trong việc cải tiến phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học.
- Phối hợp hiệu quả các mối quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế,
- Góp phần nâng cao thương hiệu Học viện Nông nghiệp Việt Nam bằng sản phẩm khoa học công nghệ và các công bố khoa học trong nước và quốc tế.

2.3. Tính mới của ý tưởng xây dựng và thực hiện đề án

- Đề án do nhóm nghiên cứu mạnh của Khoa Công nghệ thông tin trực thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam thực hiện.
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ thông tin trong nông nghiệp công nghệ cao là 1 xu hướng và đòi hỏi mới, cần sự tập hợp của các nhà khoa học nghiên cứu chuyên sâu, đặc biệt trong môi trường đào tạo nông nghiệp,
- Phát huy tính tương tác, hỗ trợ và chia sẻ giữa các nhà khoa học, nhóm hoàn toàn được đề xuất và xây dựng ý tưởng phù hợp với nguồn lực, thế mạnh về nghiên cứu.

2.4 Kết quả và tác động

- + Xác định được rõ các bài toán, các vấn đề cần nghiên cứu, và ứng dụng, các nhiệm vụ cụ thể và kế hoạch triển khai.
- + Phát huy được thế mạnh của các nhà nghiên cứu.
- + Nâng cao ý thức và phát huy tính tích cực nghiên cứu khoa học của giảng viên.

2.5. Dự kiến về cách thức đánh giá kết quả

Các hình thức và nội dung khoa học được triển khai dựa vào các tiêu chí đăng ký của nhóm nghiên cứu và có nhật ký làm việc của nhóm cũng như sản phẩm khoa học so với chỉ tiêu đăng ký. Nhóm thực hiện theo bản cam kết đã thống nhất và nhật ký làm việc của nhóm. Dưới đây là bản cam kết của nhóm và tiêu chí đánh giá:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG
CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH VỀ
ỨNG DỤNG CNTT TRONG NÔNG NGHIỆP**

Kính gửi : Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Chúng tôi gồm: Đại diện nhóm nghiên cứu mạnh về ứng dụng CNTT trong nông nghiệp do TS. Nguyễn Thị Thủy làm trưởng nhóm xin cam kết:

1. Tổ chức và thực hiện các nội dung, hoạt động trong đề án đã được phê duyệt, chịu sự kiểm tra đánh giá định kỳ, đột xuất theo yêu cầu Giám đốc Học viện.
2. Xây dựng nội quy, quy chế hoạt động của nhóm, sử dụng kinh phí đúng mục đích; Phân bổ giờ NCKH cho các thành viên; Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về kết quả hoạt động của nhóm.
3. Quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ trong nhóm hoàn thành các nhiệm vụ do Giám đốc Học viện giao.
4. Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất được giao theo quy định của Bộ môn, Khoa và Học viện;
5. Tổ chức thực hiện hội nghị, hội thảo đúng tiến độ theo kế hoạch và theo đặt hàng đột xuất của Học viện.
6. Hoàn thành các sản phẩm đăng ký với Học viện.
7. Tổ chức nghiên cứu, đóng góp ý kiến đối với những vấn đề mới, đột xuất theo yêu cầu của Khoa và Học viện.

NHÓM NGHIÊN CỨU
TRƯỞNG NHÓM

PGS. TS. Nguyễn Thị Thủy

Bảng 1. Tiêu chí đánh giá hoạt động của nhóm nghiên cứu

TT	Nội dung, tiêu chí	Thang điểm trừ trưởng nhóm (điểm)	Thang điểm trừ thành viên liên quan (điểm)
I	Công tác quản lý nhóm		
1	Ghi nhật ký hoạt động nhóm		
	<i>Có sổ nhưng không ghi đầy đủ các hoạt động</i>	2	
	<i>Không có sổ nhật ký ghi chép hoạt động của nhóm</i>	4	
2	Các hoạt động chậm so với kế hoạch đăng ký		
	+ Chậm 1 hoạt động (điểm/lần)	2	2
3	Chậm nộp báo cáo về công tác quản lý nhóm (khi Giám đốc yêu cầu)	2	
4	Chậm nộp báo cáo kết quả hoạt động cho Trưởng nhóm		2
II	Xây dựng và phát triển các đề tài nghiên cứu		
5	Đầu thầu đề tài dự án		
	Thiếu đề xuất đề tài/dự án	4	2
	Không tham gia đấu thầu các đề tài/dự án	2	2
III	Tổ chức Hội thảo/Seminar		
6	Đăng ký sử dụng không theo quy trình (không có xác nhận của trưởng đơn vị, không báo lại cho Ban KH&CN...)		2
7	Không tổ chức đủ Hội thảo/Seminar đã đăng ký		
	+ Thiếu 1 Hội thảo (điểm/Hội thảo)	4	2
	+ Thiếu 1 Seminar (điểm/Seminar)	2	2
8	Không tổ chức Hội thảo/Seminar đúng kế hoạch đăng ký	2	2
9	Chương trình có chứa nội dung khác với kế hoạch được duyệt	2	2
IV	Công bố khoa học		
10	Thiếu 1 bài báo Tiếng Việt (điểm/bài báo)	4	2
11	Thiếu 1 bài báo Tiếng Anh (điểm/bài báo)	2	2
V	Sử dụng cơ sở vật chất/trang thiết bị thí nghiệm		

12	Không có sổ sách quản lý, theo dõi khi sử dụng thiết bị, vật tư	2	2
13	Không thực hiện đúng quy trình, nội quy phòng thí nghiệm/khu thí nghiệm	2	2

2.6. Khả năng về tính bền vững và khả năng nhân rộng của dự án

Đề án được thực hiện trong thời gian 5 năm, mỗi năm đều họp và rút kinh nghiệm để không chỉ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng mà còn định hướng tiếp cho những hướng và nội dung nghiên cứu cho thời gian tới.

Các nội dung đều dựa vào những vấn đề gắn với thực tế nhu cầu phát triển của kinh tế xã hội, công tác đào tạo và nghiên cứu phục vụ nông nghiệp nên sẽ được triển khai theo kế hoạch dài hạn mà không phải thời gian ngắn có thể thực hiện được.

2.7. Tính khả thi

Việc ứng dụng Công nghệ thông tin, đặc biệt là các hệ thống tính toán thông minh, Internet kết nối vạn vật (IoT), đang là các xu hướng nghiên cứu được quan tâm và phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là các nghiên cứu ứng dụng trong nông nghiệp. Đây là hướng nghiên cứu mà Ban giám đốc Học viện cũng như Khoa Công nghệ thông tin đặc biệt quan tâm, đề xuất xây dựng nhóm nghiên cứu.

Nhóm thực hiện đề án là những giảng viên có trình độ chuyên môn Tiến sĩ, Thạc sĩ. Một số người được đào tạo bài bản từ nước ngoài trở về. Hầu hết các giảng viên đều đã có các công trình khoa học đã thực hiện và công bố quốc tế, liên quan đến nội dung triển khai của đề án nên sẽ thuận lợi trong việc triển khai các nhiệm vụ cụ thể.

Vì vậy, đề án có tính khả thi cao, các dự kiến nghiên cứu qua hình thức các đề tài, các hội thảo, các semina khoa học sẽ lần lượt được triển khai khi đề án bắt đầu thực hiện.

Phần 3. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

3.1. Phân công nhiệm vụ thực hiện đề án

Bảng 2:

DANH SÁCH NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH VỀ ỨNG DỤNG CNTT TRONG NÔNG NGHIỆP (dự kiến)

TT	Họ và tên	Đơn vị
1	TS. Trần Đức Quỳnh	Khoa CNTT, HVNNVN
2	TS. Phạm Quang Dũng	Khoa CNTT, HVNNVN
3	TS. Nguyễn Thị Thủy	Khoa CNTT, HVNNVN
4	TS. Nguyễn Văn Hạnh	Khoa CNTT, HVNNVN
5	ThS. Phan Trọng Tiến	Khoa CNTT, HVNNVN
6	ThS. Đỗ Thị Huệ	Khoa CNTT, HVNNVN
7	ThS. Nguyễn Xuân Thảo	Khoa CNTT, HVNNVN
8	TS. Nguyễn Văn Định	Khoa CNTT, HVNNVN
9	ThS. Hoàng Thị Hà	Khoa CNTT, HVNNVN
10	TS. Nguyễn Duy Bình	Khoa QLDD, HVNNVN
11	TS. Chu Anh Tiệp	Khoa Nông học, HVNNVN
12	TS. Đinh Thị Hải Vân	Khoa Môi trường, HVNNVN

Bảng 3. Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm

Phân công cán bộ		Định hướng nghiên cứu	Đề xuất nâng cao năng lực			
Họ và tên	Lĩnh vực phụ trách		Đào tạo (1)	Seminar/Hội thảo (2)	Cơ sở vật chất (3)	Đề xuất khác (4)
1. Nghiên cứu về các phương pháp tính toán thông minh trong nông nghiệp						
TS. Trần Đức Quỳnh	Tối ưu hóa		Đào tạo về các vấn đề thách thức đặt ra với ngành nông	Có	Máy tính và phông làm việc	Nhận được đặt hàng bài toán từ các chuyên gia nông
TS. Nguyễn Thị Thủy	Trí tuệ nhân tạo, học máy, nhận dạng					
ThS. Nguyễn Xuân Thảo ThS. Ngọc Minh Châu	Các mô hình hỗ trợ ra quyết định					

TS. Chu Anh Tiệp	Tìm hiểu về các bài toán và đặt bài toán trong ngành nông nghiệp		nghiệp hiện nay			nghiệp và chia sẻ, hỗ trợ về mặt dữ liệu để xử lý; Kết nối với các doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp nông nghiệp, các địa phương có nhu cầu ứng dụng CNTT trong NN
2. Phát triển phần mềm ứng dụng trong nông nghiệp						
TS. Phạm Quang Dũng	Công nghệ phần mềm		Đào tạo liên tục khi có công nghệ mới	Có	Máy tính, phòn g làm việc	Không
ThS. Phan Trọng Tiến ThS. Trần Trung Hiếu ThS. Lê Thị Nhung	Phát triển phần mềm					
3. Tính toán thống kê và ứng dụng trong nông nghiệp						

TS. Nguyễn Văn Hạnh	Phân tích thống kê		Không	Có	Máy tính, phông làm việc	
5. Ứng dụng Phương trình đạo hàm riêng vào Mô hình hóa các bài toán nông nghiệp						
TS. Phan Quang Sáng	Các mô hình toán nông nghiệp, sinh thái học			Có	Máy tính, ổ cứng và phông làm việc	
ThS. Nguyễn Hà Thanh ThS. Nguyễn Thùy Dung	Xem xét tính đặt đúng của mô hình					
ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy ThS. Nguyễn Hà Thanh	Mô phỏng số					

3.2. Kế hoạch của dự án

3.2.1. Kế hoạch dài hạn

Bảng 4. Kế hoạch dài hạn và dự kiến kết quả đạt được của nhóm nghiên cứu

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Thời gian dự kiến	Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt
1	Bài báo khoa học	39	2018-2020	12 bài
2	Bài tổng quan (review)	09	2018 - 2020	Bài tổng quan
3	Đề xuất nghiên cứu	06	2018-2020	06 đề tài, dự án
4	Phần mềm ứng dụng	03	2018-2020	Sản phẩm dạng mẫu, có thể triển khai sản xuất

3.2.2. Kế hoạch ngắn hạn

Bảng 5. Kế hoạch ngắn hạn và dự kiến kết quả đạt được đến 6/2018

TT	Nội dung nghiên cứu	Cán bộ phụ trách	Đơn vị phối hợp	Dự kiến kết quả đạt được
1				
2				
3				

3.2.3. Kế hoạch tổ chức hội thảo

Bảng 6. Kế hoạch tổ chức hội thảo¹

STT	Tên hội thảo	Nội dung hội thảo	Thành phần	Hình thức tổ chức (Trong nước, quốc tế...)
1				
2	...			
	Tổng cộng			

¹ Học viện chỉ hỗ trợ Hội thảo: 10 triệu/Hội thảo sau khi được phê duyệt.

3.2.4. Kế hoạch đào tạo

Bảng 7. Kế hoạch đào tạo²

	Kỹ thuật	Họ và tên	Thời gian	Địa điểm	Tổng kinh phí (triệu đồng)
	Đào tạo ngắn hạn				
	Đào tạo dài hạn				
	Tổng cộng				

Bảng 8: Sản phẩm của nhóm nghiên cứu³

TT	Hoạt động/sản phẩm KHCN của nhóm nghiên cứu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Semina	Semina /nhóm	19	
2	Hội thảo	Hội thảo/nhóm	2	
3	Bài báo tiếng Anh tạp chí Học viện	Bài/nhóm	4	
4	Bài báo tiếng Việt	Bài/nhóm	9	
5	Bài tham luận hội thảo	Bài/nhóm	6	
6	Bài tổng quan	Bài/nhóm	3	

² Thời gian đào tạo ngắn hạn tối đa 3 tháng. Trưởng nhóm nghiên cứu nhu cầu thực tế, tìm nguồn kinh phí hỗ trợ

7	Hướng dẫn kỹ thuật	Bản/nhóm	0	
8	Quy trình kỹ thuật được công nhận cấp cơ sở	Quy trình/nhóm	0	
9	Đề xuất nghiên cứu được đưa vào danh mục của HV	Đề xuất/nhóm	28	
10	Thuyết minh được phê duyệt	Thuyết minh/nhóm	2	
11	Hội đồng tư vấn khoa học/tư vấn định hướng nghiên cứu	Hội đồng	2	
12	Mời chuyên gia Semina	Chuyên gia	2	

Phần 4. CÁC BÊN THAM GIA

4.1. Cơ quan quản lý

Đề án được thực hiện theo quyết định của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, do Học viện quản lý và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và kế hoạch khoa học được xây dựng.

4.2. Danh sách các thành viên tham gia: Như trong Bảng 1.

4.3. Danh sách các đối tác

Bảng 9. Danh mục các chuyên gia thuộc lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu nhóm nghiên cứu⁴

T T	Tên chuyên gia	Lĩnh vực chuyên sâu	Địa chỉ nơi công tác	ĐT/Email	Đã hợp tác	Chưa hợp tác
1	GS. Lê Thị Hoài An	Tính toán tối ưu	Đại học Lorraine, Cộng hòa Pháp	lethihoaian@gmail.com	X	
2	TS. Nguyễn Quang Thuận	Tính toán tối ưu	Đại học Quốc gia Hà nội		X	
3	TS. Nguyễn Ngọc Doanh	Mô phỏng các hệ sinh thái	Đại học Thủy lợi			X
4	PGS. TS. Lê Thị Lan	Công nghệ thông tin	Viện nghiên cứu quốc tế MICA – ĐH Bách Khoa Hà Nội	Thi-Lan.Le@mica.edu.vn	X	
5	TS. Vũ Hải	Công nghệ thông tin	Viện nghiên cứu quốc tế MICA – ĐH Bách Khoa Hà Nội	hai.vu@mica.edu.vn	X	
6	TS. Trần Thị Thanh Hải	Công nghệ thông tin	Viện nghiên cứu quốc tế MICA – ĐH Bách Khoa Hà Nội	thanh-hai.tran@mica.edu.vn	X	
7	TS. Nguyễn Đỗ Văn	Công nghệ thông tin	Khoa CNTT – Trường ĐH Công nghệ - ĐH Quốc gia HN	ngdovan@gmail.com	X	
8	GS. TS. Horst Bischof	Công nghệ thông tin	ĐH Công nghệ Graz – CH Áo		X	

⁴ Nhóm bổ sung các chuyên gia thuộc lĩnh vực nghiên cứu;
Đánh dấu (X) vào cột Đã hợp tác/ Chưa hợp tác : đối với các chuyên gia nhóm đã hợp tác/ chưa hợp tác

Phần 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Đề án đã xây dựng được kế hoạch xây dựng và phát triển nhóm nghiên cứu mạnh trong nghiên cứu và ứng dụng Công nghệ thông tin trong nông nghiệp.

Đề án đã chỉ ra rõ kế hoạch ngắn hạn, dài hạn và dự kiến được kết quả, sản phẩm khoa học rõ ràng.

Đề án đã xây dựng được quy chế hoạt động, bản cam kết và các tiêu chí đánh giá cụ thể.

Đề án đã phân công trách nhiệm cho cá nhân, cho nhóm để thực hiện các hướng nghiên cứu một cách cụ thể, rõ ràng, không chồng chéo.

Đề án dựa trên nguồn lực đủ và mạnh và khai thác vấn đề rất cấp thiết nên có tính khả thi cao khi triển khai.

5.2. Kiến nghị

Để đề án đạt kết quả tốt và thực hiện đúng kế hoạch chúng tôi đưa ra một số kiến nghị sau:

5.2.1. Về nhóm triển khai dự án

1/ Mỗi cá nhân trong nhóm cần đóng góp và đề xuất ý kiến cho việc xây dựng định hướng NCKH theo định hướng chung của Học viện và của ngành cả về thời gian và nhiệm vụ, nội dung.

2/ Mỗi cá nhân thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công khi triển khai các nhiệm vụ NCKH: Chủ trì, tham gia đề tài các cấp, chủ trì các hội thảo, Seminar khoa học,...

3/ Hàng năm viết đề xuất NCKH ít nhất 1 đề tài cấp cơ sở với những thành viên có học vị thạc sĩ, cử nhân. Ít nhất 01 đề tài trọng điểm hoặc cấp bộ hoặc quốc tế đối với thành viên có học vị Tiến sĩ. Chủ trì ít nhất 01 Seminar khoa học.

4/ Nhóm tổ chức ít nhất 01 hội thảo khoa học/1 năm. Tham gia hội thảo chuyên ngành trong nước và quốc tế.

5/ Mỗi cá nhân độc lập hoặc tham gia ít nhất 01 bài đăng tạp chí Khoa học trong nước hoặc nước ngoài trong 1 năm.

5.2.2. Đối với cơ quan chủ quản

1/ Học viện cần đầu tư kinh phí đủ để triển khai các đề tài, hội thảo dự kiến trong đề án.

2/ Đầu tư phòng chức năng phục vụ cho các nghiên cứu của dự án.

3/ Cần giám sát và kiểm tra tiến độ thực hiện của đề án

4/ Cần có chế độ khen thưởng, biểu dương các thành viên thực hiện đề án đạt kết quả tốt.

5.2.2. Đối với các đơn vị ứng dụng CNTT trong ngành Nông nghiệp

1/ Phối hợp xây dựng cơ chế về tài chính và nhân lực trong nghiên cứu ứng dụng CNTT theo nhu cầu thực tế của đơn vị.

2/ Tạo điều kiện và phối hợp cùng nhóm nghiên cứu trong việc đặt bài toán, tìm hiểu nhu cầu ứng dụng CNTT, và khảo sát nghiệp vụ.

2/ Phối hợp tiếp nhận và triển khai các sản phẩm CNTT theo nhu cầu sử dụng của cơ quan/doanh nghiệp.

3/ Phản hồi và cùng nhóm nghiên cứu cải tiến, phát triển sản phẩm để thích ứng với những thay đổi theo nhu cầu thực tế của đơn vị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu học tập của khóa học về nghiệp vụ sư phạm.
2. Tài liệu của khóa học lớp bồi dưỡng giảng viên cao cấp.
3. Quyết định số 392 của Thủ tướng chính phủ về “Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2015”, ký ngày 27/3/2015
4. Quyết định số 392 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt đề án “Đưa Việt nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông”, ký ngày 22/9/2010.
5. Quy định về Quản lý khoa học và công nghệ (2016), Ban Khoa học và Công nghệ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
6. Định hướng phát triển của Khoa công nghệ thông tin giai đoạn 2015-2020.